Tổng quan

Thứ tư, ngày 22 tháng 11 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index bật tăng cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/11/2023		●	
Tuần 13/11-17/11/2023		●	
Tháng 11/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiếp tục giằng co trong vùng 1,105 – 1,110 cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,113.82 điểm, tăng hơn 3 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó những ngành giao dịch tích cực trong ngày hôm nay phải kể đến Dịch vụ tài chính, Công nghệ thông tin,… Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, thị trường vẫn chưa rõ xu hướng. Sự giằng co quanh ngưỡng 1,110 có thể tiếp tục kéo dài trong ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/11/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

• VN-Index +3.36 điểm, đóng cửa 1113.82 điểm. HNX-Index +0.69 điểm, đóng cửa 230.49 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: HPG (+4.28), BID (+4.02), VCB (+2.72), NVL (+1.85), DIG (+1.01).
• Kéo chỉ số giảm: VHM (-5.4), GAS (-2.31), VRE (-1.93), SAB (-1.79), VPB (-1.54).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 17,355 tỷ đồng, tăng 36.65% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,242 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 12.21 điểm. Thị trường có 263 mã tăng, 93 mã tham chiếu, 220 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -714.68 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VPB (-452.5 tỷ), VHM (-73.43 tỷ), MWG (-58.51 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -6.5 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

• BSC30 +0.25%. Các mã diễn biến tích cực: VGC (+1.91%), DCM (+1.41%), DGC (+1.37%)
• BSC50 +1.07%. Các mã diễn biến tích cực: NVL (+6.77%), HDC (+5.51%), DXG (+4.69%)

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

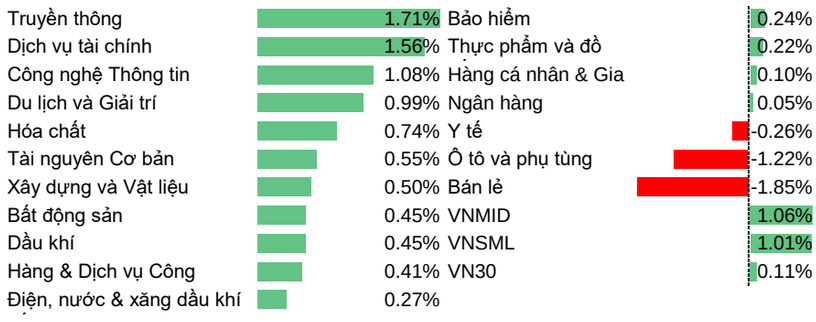

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Nguyễn Thùy Trang
trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1113.82**
Giá trị: 17355.1 tỷ 3.36 (0.3%)
Khối ngoại (ròng): -714.68 tỷ

HNX-INDEX **230.49**
Giá trị: 1914.15 tỷ 0.69 (0.3%)
Khối ngoại (ròng): -6.5 tỷ

UPCOM-INDEX **86.04**
Giá trị: 423.52 tỷ -0.18 (-0.21%)
Khối ngoại (ròng): -11.34 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	82.4	0.10%
Giá vàng	1,999	1.10%
Tỷ giá USD/VND	24,130	-0.21%
Tỷ giá EUR/VND	26,430	-0.13%
Tỷ giá JPY/VND	163.86	0.54%
LS liên NH 1 tháng	1.60%	0.26%
LS TPCP 5 năm	2.04%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	103.78	VPB	-452.50
NKG	34.97	VHM	-73.43
PVT	12.00	MWG	-58.51
PVD	8.75	VRE	-44.17
SSI	8.66	VIC	-43.34

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 21/11/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	77.83	0.00%	-0.43%	-7.80%	-3.59%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	82.40	0.10%	-0.08%	-7.09%	-5.51%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.24	0.42%	0.56%	-3.30%	-7.57%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.86	-0.88%	-8.03%	-12.73%	-60.16%		
TTF Gas	EUR/MWh	44.07	-3.83%	-7.44%	-14.06%	-63.17%		
Vàng	Ounce	1,998.91	1.10%	1.85%	1.33%	14.86%		PNJ
Bạc	Ounce	23.77	1.59%	2.98%	3.45%	12.77%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,371.25	0.29%	-1.33%	6.57%	-4.09%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	17.12	-0.06%	-0.06%	1.54%	-18.59%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	147.40	-1.34%	-0.07%	1.38%	16.34%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	27.75	0.69%	2.10%	0.98%	40.58%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	387.00	-0.77%	-1.40%	-6.52%	-34.41%		DPM, DCM
Niken	LB	16,721.00	0.00%	-3.07%	-6.83%	-35.43%		PC1
Đồng	LB	3.81	0.29%	3.77%	6.63%	5.35%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,220.00	1.37%	5.71%	-16.54%	-15.91%		CSV
Thép	CNY/ton	4,019.00	1.70%	4.07%	11.86%	9.00%		HPG
Nhôm	Ton	2,257.00	0.51%	1.17%	3.72%	-7.08%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kết thúc phiên tăng 13 US cent lên 82.40 USD/thùng. Dầu Tây Texas của Mỹ giảm 6 US cent xuống 77.83 USD.
• Giá dầu kết thúc gần như không thay đổi vào thứ Ba sau khi tăng trong hai phiên, do các nhà đầu tư thận trọng trước cuộc họp OPEC + dự, kiến vào Chủ nhật, ở đó nhóm các nước sản xuất có thể thảo luận về việc cắt giảm nguồn cung sâu hơn do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại.

Giá vàng

• Vàng giao ngay kết thúc phiên tăng 1.2% lên 1,998.91 USD/ounce, sau khi đạt mức cao nhất trong ba tuần là 2,007.29 USD. Vàng kỳ hạn tháng 12 tăng 1.1% lên 2,001.60 USD.
• Giá vàng đã vượt qua mốc 2,000 USD vào thứ Ba do kỳ vọng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã đạt mức cao nhất.

Quặng sắt

• Quặng sắt kỳ hạn tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc kết thúc phiên tăng 1.93% lên 978.5 nhân dân tệ (135.69 USD)/tấn, cao nhất kể từ ngày 15 tháng 11.
• Giá quặng sắt tăng phiên thứ 2 liên tiếp, với giá trên thị trường Singapore đạt mức cao nhất trong 8 tháng, do tâm lý nhà đầu tư được thúc đẩy bởi sự hỗ trợ mới nhất của Bắc Kinh đối với lĩnh vực bất động sản và lo ngại về khả năng gián đoạn nguồn cung.

Giá hàng hóa khác

• Đồng kỳ hạn ba tháng trên Sàn giao dịch kim loại Luân Đôn (LME) tăng 0.4% lên 8,465 USD/tấn,Giá đồng tăng lên mức cao nhất trong hơn hai tháng vào thứ Ba khi đồng nhân dân tệ tăng so với đồng USD và sự lạc quan ngày càng tăng về triển vọng Chính phủ Trung Quốc sẽ thực hiện thêm các biện pháp kích thích lĩnh vực bất động sản Trung Quốc.
• Giá cao su kỳ hạn tương lai trên thị trường Nhật Bản giảm xuống mức thấp nhất 3 tuần vào thứ Ba do đồng Yên phục hồi và giá dầu thô giảm. Hợp đồng cao su giao tháng 4 trên sàn giao dịch Osaka (OSE) giảm 7.6 yên, tương đương 2.8%, xuống 261 yên (1.74 USD)/kg.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	86.7	0.1%	1.0	20,049	3.6	5,797	15.0	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	43.6	-0.8%	0.7	9,125	1.3	4,025	10.8	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	0.0%	1.0	6,450	6.0	1,727	11.4	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	31.0	0.5%	1.5	4,504	2.4	5,059	6.1	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.0	-0.3%	1.3	3,894	5.7	3,496	5.2	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.1	-0.7%	0.9	2,270	23.0	3,600	8.1	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	20.2	0.5%	1.6	3,335	2.6	714	28.2	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	32.4	0.9%	1.6	1,029	9.7	4,368	7.4	42,500	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	50.5	0.0%	1.4	690	6.1	3,969	12.7	45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	53.3	1.9%	1.7	989	2.3	2,651	20.1	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.2	0.6%	1.7	6,544	19.1	(328)	-82.9	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	39.0	-0.3%	1.5	7,026	7.8	10,341	3.8	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	22.8	0.9%	1.3	2,144	3.2	1,588	14.4	38,900	32.1%	Link
KDH	BĐS	32.3	0.9%	1.7	1,068	2.0	1,280	25.2	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	38.2	0.8%	1.3	606	7.8	1,582	24.1	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	96.2	1.4%	1.5	1,512	15.3	10,728	9.0	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	33.6	0.4%	0.9	543	2.3	6,403	5.2	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	32.4	1.4%	1.2	711	6.9	4,286	7.6	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	79.0	0.0%	0.7	7,507	1.6	5,567	14.2	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	34.0	0.7%	1.0	1,790	1.2	2,125	16.0	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	38.4	-0.3%	1.2	759	6.4	1,953	19.7	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.7	-0.4%	1.3	637	4.5	449	61.7	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.6	-0.4%	0.8	1,129	2.3	602	19.3	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	69.4	-0.1%	0.6	6,001	3.7	3,935	17.6	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	64.9	0.5%	1.4	3,842	4.7	916	70.9	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	39.8	-2.7%	1.6	2,408	23.9	1,069	37.2	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	81.2	0.1%	0.7	1,102	2.2	5,503	14.8	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	71.0	0.0%	0.8	549	1.7	7,080	10.0	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	70.4	0.6%	0.6	891	1.5	7,470	9.4	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	93.0	1.2%	0.7	4,886	12.6	4,573	20.3	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

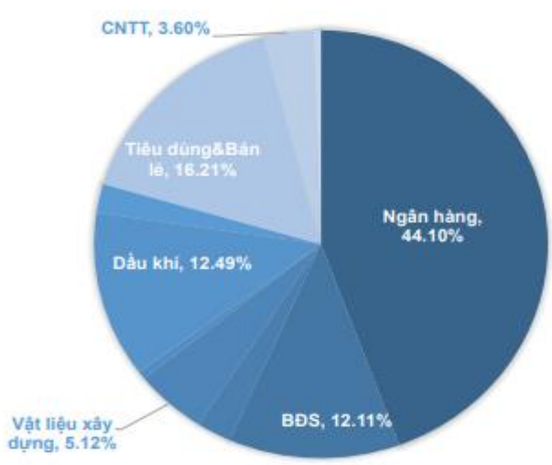

Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.6	0.70%	0.9	5,885	2.3	3,664	8.1	1.3	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.7	0.4%	0.9	3,648	4.1	3,722	6.1	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.6	-0.5%	0.8	2,226	5.1	2,765	6.7	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.4	-1.0%	0.8	1,635	1.1	1,410	11.0	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	19.2	0.8%	1.3	2,015	1.9	3,534	5.4	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	21.9	0.9%	1.9	1,104	28.5	467	46.9	1.8	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.1	0.3%	1.1	1,558	1.6	2,697	6.3	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	32.9	1.1%	1.4	2,041	31.2	1,090	30.2	2.3	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	17.8	1.7%	1.9	234	10.6	318	56.0	7.2	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.9	1.7%	1.7	0	1.0	445	26.7	1.2	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	66.0	0.3%	1.5	271	4.6	681	96.9	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.6	1.0%	1.4	213	5.8	919	17.0	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.4	1.2%	2.0	98	2.8	482	25.8	1.0	3.1%	3.8%
BCM	KCN	59.9	-0.5%	0.7	2,565	0.7	418	143.3	3.5	2.7%	1.7%
HUT	KCN	21.1	0.5%	1.3	779	3.8	56	373.4	5.2	2.0%	1.3%
PHR	KCN	47.2	0.2%	1.2	264	0.5	6,568	7.2	1.8	15.4%	26.9%
SZC	KCN	43.4	2.2%	1.6	216	3.8	1,405	30.9	3.2	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	22.0	0.5%	1.9	561	11.0	(2,105)	-10.5	1.3	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.0	0.8%	1.3	190	0.2	176	68.5	1.0	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	22.7	2.3%	2.0	247	11.1	(2,655)	-8.6	1.2	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	58.5	0.0%	0.7	162	0.1	5,309	11.0	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	26.8	1.7%	1.7	85	2.2	1,482	18.1	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BĐS	17.4	6.8%	1.9	1,400	48.8	(295)	-58.7	0.9	3.8%	1.9%
DXG	BĐS	21.2	4.7%	2.6	535	33.3	(317)	-66.9	0.9	18.5%	3.4%
HDC	BĐS	36.4	5.5%	1.5	204	21.1	2,190	16.6	2.6	2.0%	16.9%
DIG	BĐS	26.6	2.5%	2.4	671	28.2	152	174.7	2.1	5.6%	1.1%
IJC	BĐS	14.0	1.5%	1.7	145	1.0	1,597	8.7	1.0	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.2	0.0%	1.5	0	5.1	1,596	12.0	1.2	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	25.6	0.2%	0.7	343	4.2	2,993	8.6	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	30.7	1.3%	1.3	103	0.1	1,353	22.7	2.0	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.0	-0.2%	0.8	113	0.1	1,980	11.6	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	57.5	-0.3%	0.7	972	0.5	6,445	8.9	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	23.2	3.8%	1.7	816	41.0	384	60.2	1.0	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	25.0	0.6%	0.6	297	0.5	2,560	9.7	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	28.2	1.3%	1.5	357	1.6	2,739	10.3	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	26.8	-11.1%	1.5	300	3.1	944	28.4	1.3	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.2	0.0%	0.7	187	0.2	636	20.8	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.9	1.7%	2.5	196	3.1	(79)	-113.2	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	63.5	0.6%	0.5	3,370	1.2	3,518	18.1	3.3	62.3%	18.7%
QNS	F&B	46.3	-0.4%	0.5	0	1.6	4,965	9.3	2.1	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	101.7	-0.3%	1.0	573	0.8	(327)	-310.7	8.7	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	53.0	0.0%	2.0	366	2.5	2,984	17.8	4.0	23.6%	21.9%
DBC	F&B	24.0	0.2%	1.8	240	5.3	551	43.6	1.2	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.2	-0.4%	2.2	112	0.4	837	30.2	1.4	1.4%	5.7%
BAF	F&B	25.9	0.6%	0.4	154	3.1	1,225	21.1	2.2	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	31.0	1.8%	1.5	171	2.2	2,162	14.3	1.6	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	29.8	-0.2%	0.6	164	2.4	1,370	21.7	1.3	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	35.3	2.8%	1.0	154	4.7	5,742	6.1	1.2	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	88.1	0.0%	1.1	417	1.4	4,238	20.8	6.1	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	19.3	0.5%	1.1	91	1.5	2,353	8.2	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639